TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 30 tháng 12 năm 2022.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

1. Ông Nguyễn Văn Chuyết.

2. Ông Nguyễn Đình Thanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện Trực Ninh, Nam Định, đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/8/2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2022 giữa các đương S:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị D, sinh năm 1982; Nơi ĐKHKTT: Xóm L, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Hiện đang trú tại: Số 93/9, đường N, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1983; Trú tại: Xóm L, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị D vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Anh S vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và Bản tự khai, nguyên đơn là chị Lâm Thị D trình bày:

Chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn S vào ngày 06/11/2003 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, do quan điểm, cách sống khác nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tháng 5/2022 anh S nói về quê

nhưng sau đó không vào Nam sống cùng gia đình mặc dù chị đã nhiều lần gọi điện cho anh. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau, chị xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm Nguyễn Minh Q, sinh ngày 13/5/2004 và Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 21/02/2012. Hiện nay các con chung đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Thanh T và không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con. Đối với con chung là Nguyễn Minh Q đã trưởng thành, tự lập được, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 08/9/2022, anh Nguyễn Văn S có ý kiến như sau:

Anh không đồng ý ly hôn vì vợ chồng và các con vẫn bình thường, vui vẻ, hạnh phúc. Vợ chồng có 02 con chung gồm Nguyễn Minh Q, sinh ngày 13/5/2004 và Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 21/02/2012, hiện nay cháu T đang ở với mẹ. Vợ chồng không có tài sản chung.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lâm Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn S vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho ly hôn giữa chị Lâm Thị D và anh Nguyễn Văn S. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 21/02/2012 cho chị D nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 13/5/2004 đã trưởng thành, tự lập được nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Chị Lâm Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị D là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Anh Nguyễn Văn S đã trực tiếp nộp cho Tòa án Bản tự khai của mình, tuy nhiên sau đó anh S không đến Tòa án làm việc, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tại phiên tòa hôm nay, anh S tiếp tục vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh S là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

2.1. Về tình cảm: Chị Lâm Thị D đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn S vào ngày 06/11/2003 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, do quan điểm, cách sống khác nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, từ 5/2022 vợ chồng sống ly thân. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D đã trở nên căng thẳng, trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị D là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Quan điểm của anh S về việc không đồng ý ly hôn vì vợ chồng và các con vẫn bình thường, vui vẻ, hạnh phúc là không có căn cứ, không được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm Nguyễn Minh Q, sinh ngày 13/5/2004 và Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 21/02/2012. Hiện nay, các con chung đang ở cùng với chị D. Để ổn định việc nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập của cháu Thanh T, HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Thanh T cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Đối với con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 13/5/2004 đã trưởng thành, tự lập được nên không xem xét.

2.3. Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Lâm Thị D và anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Lâm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 21/02/2012 (*hiện nay cháu T đang ở với chị D)*. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

Đối với con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 13/5/2004 đã trưởng thành, tự lập được nên không xem xét.

3. Án phí: Chị Lâm Thị D nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002056 ngày 26/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Lâm Thị D và anh Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương S;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng